TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 267/2018/QĐST-HNGĐ	*Kinh Môn, ngày 20 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 118/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2016, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn S, sinh năm 1966

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1965

Đều ở địa chỉ: Khu 2 T, thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn S và chị Lê Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng chồng có một con chung là Phạm Thùy Tr, sinh ngày 09/6/2006. Hai bên thống nhất để chị T được quyền nuôi cháu Phạm Thùy Tr. Anh Phạm Văn S mỗi tháng phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Lê Thị T số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến

khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi); Thời gian cấp dưỡng tiền nuôi con chung tính từ ngày 01/10/2018.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Anh S, chị T không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Phạm Văn S tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng và tiền án phí dân sự do có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số: 003028 ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn; Anh Phạm Văn S còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 100.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn *(UBND thị trấn M, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương)*;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Phạm Anh Tuyết